| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 182/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2024
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh ngày 10/3/1991,

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người được anh M ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 15/02/1991,

ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh* Nguyễn Văn M *trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 20/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm bất đồng, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp từ đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, bất hòa. Đầu năm 2022, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, tháng 4/2022 chị D đi lao động tại Đài Loan nhưng không nói cho anh biết, từ khi đi cho đến nay chị D cũng không liên lạc với anh chỉ thỉnh thoảng liên lạc về cho các con. Anh chị không có biện pháp để hàn gắn, tháo gỡ mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2017, hiện các con đang ở với anh. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên tròn 18 tuổi và anh tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc nên anh ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay anh giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, anh T đã thông báo cho anh biết, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị D. Bà Đỗ Thị G (mẹ đẻ chị D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị D vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết, thông qua gia đình chị D trình bày do anh M không chung thủy với chị, anh đã có người phụ nữ khác, vợ chồng

không liên lạc, không quan tâm đến nhau, nay chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M xin ly hôn, chị D nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh M trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà G chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Tài sản chung, nợ chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh M và chị D là cháu Nguyễn Gia B có nguyện vọng được ở với anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia B1 và Nguyễn Diệu L cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M hiện đang cư trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, bị đơn chị Nguyễn Thị D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện chị D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà G là mẹ đẻ chị D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh M và chị D đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà G vẫn liên lạc với chị D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh M và chị D. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228,

Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 20/9/2011 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm bất đồng, đầu năm 2022, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến tháng 4/2022 chị D đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D. Qua liên lạc và thông qua gia đình chị D trình bày anh M không chung thủy với chị và đã có người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ lâu, mỗi người ở một nơi. tình cảm vợ chồng không còn, anh M xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh M và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2017, hiện các con đang ở với anh M. Anh M và chị D cùng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị D ủy quyền cho bà G chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Con chung Nguyễn Gia B1 có nguyện vọng được ở với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của anh M và chị D là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện tại các con đang ở với anh M ổn định; chị D đang lao động ở Đài Loan nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hơn nữa cháu Nguyễn Gia B1 có nguyện vọng được ở với anh M. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định của con và phù hợp với nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử cần giao con Nguyễn Gia B1 và Nguyễn Diệu L cho anh M tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh M tạm thời không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau này chị D về Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu như có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh M, chị D xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2017 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh M tạm thời không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000414 ngày 12/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Anh M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**